

LỘ TRÌNH

28 NGÀY HỌC PHÁT ÂM

CHO NGƯỜI MẤT GỐC

Mục lục

LỜI MỞ ĐẦU.....	3
I. HỌC PHÁT ÂM NHƯ THẾ NÀO VÀ HỌC TRONG BAO LÂU?.....	7
1. Chặng 1: Học nguyên âm	7
2. Chặng 2: Học phụ âm	19
3. Chặng 3: Hiểu rõ và luyện tập các kỹ thuật phát âm nâng cao	36
3.1. Phần 1: Trọng âm – Stress (2 ngày)	37
3.2. Phần 2: Ngữ điệu – Intonation (2 ngày)	44
3.3. Phần 3: Nối âm - Liaison (2 ngày)	50
II. KẾT LUẬN	57
III. MỘT SỐ WEBSITE GIÚP HỌC PHÁT ÂM TỐT HƠN	58

LỜI MỞ ĐẦU

Các em học sinh thân mến,

Mất gốc tiếng Anh luôn là câu hỏi muôn thuở khiến nhiều bạn đau đầu. Vậy nguyên nhân của việc mất gốc tiếng Anh là do đâu? Vì sao bỏ tiền bạc, công sức, thời gian học mà trình độ tiếng Anh của mình vẫn chẳng đến đâu? Các em hãy thử cùng cô bắt bệnh tìm nguyên nhân và xem có thấy mình trong đây không nhé!

❖ Chưa dành đủ thời gian cho việc học tiếng Anh

Để có thể cải thiện trình độ tiếng Anh của mình, các em cần dành rất nhiều thời gian cho việc học và luyện tập. Nếu như các em chỉ học tiếng Anh vào mỗi cuối tuần, hoặc chỉ khi nào có thời gian rảnh, thì rất có thể chúng ta sẽ phải mất rất nhiều năm mới có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh, thậm chí là không bao giờ.

Vì vậy, hãy bớt chút thời gian mà chúng ta vẫn dùng để xem phim, lướt Facebook, đi shopping... để đầu tư vào việc học. Hãy tự mình cân đối lại thời gian, lập ra một thời gian biểu rõ ràng và tuân thủ chặt chẽ các em nhé!

❖ Học tiếng Anh như một môn học

Nghe có vẻ lạ phải không các em? Hầu hết chúng ta đều học tiếng Anh ở trường muộn nhất là từ cấp THCS, như vậy, dĩ nhiên nó phải là một môn học rồi. Tuy nhiên, điều này đúng nhưng chưa đủ. Trước khi là một môn học, tiếng Anh còn là một ngôn ngữ. Nhưng bởi vì tiếng Anh được đưa vào chương trình học như một môn học bắt buộc, nên nhiều bạn sẽ hình thành tâm lý học tiếng Anh chỉ để thi, để lấy điểm, để có chứng chỉ. Chính điều đó sẽ tạo nên tâm lý nặng nề, áp lực khi học tiếng Anh.

Vậy thì tại sao chúng ta không nghĩ đơn giản hơn một chút, rằng tiếng Anh chẳng có gì ghê gớm cả, nó chỉ là một ngôn ngữ, cũng như tiếng Việt của chúng ta, chỉ là một công cụ để giao tiếp mà thôi. Và chúng ta học tiếng Anh là học cách sử dụng một ngôn ngữ chứ không phải đang học một môn học bắt buộc. Các em học sinh của cô Hoa đã bao giờ nghe câu này chưa nhỉ? “Biết thêm một ngoại ngữ là sống thêm một cuộc đời”.

Với suy nghĩ như vậy, cô Hoa chắc chắn rằng các em sẽ cảm thấy thoải mái hơn khi học tiếng Anh, việc tiếp thu kiến thức và kỹ năng cũng theo đó mà dễ dàng hơn.



Chỉ sử dụng tiếng Anh trong lớp học

Lý do này cũng bắt nguồn một phần từ lý do mà cô Hoa đã nêu trước đó. Bởi nhiều bạn coi tiếng Anh như một môn học, nên chúng ta chỉ dùng tới nó trong lớp học hay khi làm bài tập ở nhà. Như vậy là không đủ. Tiếng Anh là một ngôn ngữ, chúng ta cần thực hành thật nhiều mới có thể sử dụng thành thạo. Vì vậy, bên cạnh thời gian học trên lớp, các em hãy tìm cho mình những cơ hội khác để thực hành tiếng Anh nhé. Ví dụ, chúng ta có thể xem các chương trình truyền hình Âu Mỹ, nghe các bài hát tiếng Anh, tham gia các câu lạc bộ tiếng Anh ở trường. Hãy làm cho không gian xung quanh các em lúc nào cũng ngập tràn tiếng Anh và đừng bỏ lỡ bất kỳ cơ hội nào để thực hành nhé!



Quá phụ thuộc vào tiếng Việt khi học tiếng Anh

Hãy sử dụng tiếng Anh để học tiếng Anh. Các em nhớ nhé! Tiếng Việt chỉ giúp chúng ta hiểu nghĩa từ vựng. Việc dịch tất cả các từ vựng sang tiếng Việt sẽ không giúp ích cho việc rèn luyện các kỹ năng. Ví dụ, có rất nhiều bạn khi giao tiếp bằng tiếng Anh đang làm theo cách này:

Bước 1: Tiếp nhận câu hỏi của đối phương

Bước 2: Dịch câu hỏi đó sang tiếng Việt

Bước 3: Tìm câu trả lời bằng tiếng Việt

Bước 4: Dịch câu trả lời đó sang tiếng Anh rồi phản hồi lại cho đối phương.

Như vậy, chúng ta đã mất đến bốn bước nếu làm theo cách này. Điều này vừa mất thời gian khi giao tiếp, vừa khiến cho câu nói của chúng ta thiếu tự nhiên do cấu trúc ngữ pháp và cách diễn đạt của tiếng Việt và tiếng Anh không giống nhau. Vì vậy, hãy luyện tập thói quen nghe, đọc tiếng Anh và nghĩ bằng tiếng Anh các em nhé!

❖ **Quá tập trung vào những lỗi sai**

“Aim for success, not perfection!” Hãy tập trung mục tiêu để thành công, đừng quá chú trọng đến sự hoàn hảo!

Có nhiều bạn bởi vì khả năng sử dụng tiếng Anh còn chưa được tốt mà sinh ra tâm lý lo sợ, rụt rè khi nói tiếng Anh vì sợ là mình nói sai thì sẽ bị mọi người chê cười. Dĩ nhiên, khi học ngoại ngữ, chúng ta cần phải biết được lỗi sai của mình – nếu có - và tìm cách sửa chữa. Tuy nhiên, Tiếng Anh không phải tiếng mẹ đẻ của chúng ta, mắc lỗi là điều không thể tránh khỏi, huống chi kể cả người bản xứ cũng vẫn có thể mắc lỗi kia mà. Cho nên, các em không cần phải tự ti và cảm thấy áp lực về lỗi sai của mình. Hãy tự tin nói tiếng Anh nhé! Cô Hoa tin rằng dám mắc lỗi và sẵn sàng sửa sai thì mới có thể mau tiến bộ.

Thiếu quyết tâm, nhanh chán nản

Học ngoại ngữ không bao giờ là một điều dễ dàng và tiếng Anh không phải ngoại lệ. Vì vậy, mỗi người cần rất nhiều quyết tâm, nỗ lực để có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh. Nếu không có quyết tâm, rất nhanh các em sẽ trở nên chán nản, không còn hứng thú học nữa. Vậy, giải pháp cho vấn đề này là gì?

Bắt đầu từ hôm nay, các em hãy lập kế hoạch chi tiết cho việc học tiếng Anh của mình. Đề ra mục tiêu dài hạn, và chia nhỏ mục tiêu dài hạn thành những mục tiêu ngắn hạn với thời gian dự kiến hoàn thành rõ ràng cho từng mục tiêu.

Bên cạnh đó, để có thể duy trì được hứng thú với việc học tiếng Anh, hãy gắn liền nó với những thứ mà các em yêu thích. Nếu các em thích nghe nhạc, vậy thay vì chỉ nghe nhạc Việt, nhạc Hàn, hãy nghe cả những bài hát Âu Mỹ, biết đâu các em sẽ bị nghiện luôn đấy. Nếu các em thích một nghệ sĩ nào đó và muốn theo dõi thông tin liên quan đến nghệ sĩ này, thay vì đọc những bài báo bằng tiếng Việt trên các trang fanpage của Việt Nam, các em hãy search những bài báo về họ bằng tiếng Anh trên Google. Nếu các em thích đọc tiểu thuyết, hãy đọc những bộ sách song ngữ Anh – Việt thay vì chỉ đọc bản tiếng Việt. Như vậy, chúng ta vừa có thể trau dồi kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh, vừa có thể giải trí cùng sở thích của mình. Một công đôi việc phải không nào?

Vậy chúng ta cần phải làm gì để lấy lại gốc tiếng Anh cho mình?

Theo BBC, mỗi người cần 120 giờ học liên tục để có thể đạt đến trình độ tiếng Anh cơ bản, tức là thoát khỏi cảnh mất gốc tiếng Anh.

Vậy “gốc” ở đây là gì? Đó chính là những yếu tố tạo nên nền móng cơ bản của tiếng Anh, trong đó, cụ thể với việc học giao tiếp đó chính là việc phát âm cơ bản. Phát âm tốt sẽ giúp cho em nói chuẩn xác hơn và kỹ năng nghe cũng được trau dồi

Nhận thấy tầm quan trọng của việc phát âm tiếng Anh, cô Hoa đã biên soạn cuốn cẩm nang “**Lộ trình 28 ngày phát âm cho người mất gốc**” để giúp các em có thể xây dựng nền tảng học nói từ con số 0 một cách nhanh gọn và hệ thống, từ đó phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của mình.

Trong tiếng Anh có tất cả 44 âm (sounds):

- 20 nguyên âm (vowel sounds)
 - + 12 nguyên âm đơn (single vowels sounds/ monophthongs)
 - + 8 nguyên âm đôi (diphthongs)
- 24 phụ âm (consonant sounds)

VOWELS	MONOPHTHONGS				DIPHTHONGS		Phonemic chart	
	i: sheep	ɪ ship	ʊ book	u: food	ɪə here	eɪ stay		
	e bed	ə teacher	ɜ: bird	ɔ: door	ʊə tourist	ɔɪ boy		
	æ bad	ʌ up	ɑ: far	ɒ on	eə hair	aɪ my		
CONSONANTS	p pea	b boat	t tea	d dog	tʃ cheese	dʒ June	k car	g go
	f fly	v video	θ think	ð that	s see	z zoo	ʃ shall	ʒ television
	m mean	n now	ŋ sing	h hat	l love	r red	w wet	j yes

Việc quan trọng nhất của việc học phát âm là học được các quy tắc phát âm, cách sử dụng khẩu hình miệng, môi, răng, lưỡi đúng vị trí và cách điều khiển dòng khí để tạo ra âm thanh chuẩn.

I. HỌC PHÁT ÂM NHƯ THẾ NÀO VÀ HỌC TRONG BAO LÂU?



Lộ trình học phát âm cho người mất gốc được chia thành 3 chặng:

1. Chặng 1: Học nguyên âm

Thời gian: **9 ngày - mỗi ngày 2 tiếng**

Nội dung: Học các cặp nguyên âm

Day 1: /i:/ và /ɪ/	Day 4: /ɒ/ và /ɔ:/	Day 7: /ɪə/ và /eə/
Day 2: /u:/ và /ʊ/	Day 5: /e/ và /æ/	Day 8: /eɪ/, /aɪ/ và /ɔɪ/
Day 3: /ɑ:/ và /ʌ/	Day 6: /ɜ:/ và /ə/	Day 9: /əʊ/ và /aʊ/

Chặng 1	Nguyên âm		Video
Day 1	/i:/ (long vowel – nguyên âm dài)	/ɪ/ (short vowel – nguyên âm ngắn)	
	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: phía đầu lưỡi - đưa hướng lên trên và trên và ra phía trước khoang miệng, không tròn môi, khoảng cách môi trên và dưới hẹp, miệng mở rộng sang 2 bên giống như đang mỉm cười vậy.</p> <p>- Độ dài của âm: Âm dài. Khi phát âm, dây thanh rung, luồng hơi đi ra tự do không bị cản, có thể kéo dài.</p> <p>- Target sound: /i:/</p>	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: lưỡi đưa hướng lên cong, nhưng hơi lùi về sau hơn âm /i:/, không tròn môi, mở rộng miệng sang 2 bên nhưng không rộng bằng âm /i:/, khoảng cách môi trên và dưới mở hơn một chút so với âm /i:/.</p> <p>- Độ dài của âm: Âm ngắn. Khi phát âm, dây thanh rung, luồng hơi đi ra tự do không bị cản.</p> <p>- Target sound: /ɪ/</p>	

	<p>- Ví dụ:</p> <p>see piece cream</p> <p>team key Japanese</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) Can you see the sea?</p> <p>b) A piece of pizza, please.</p> <p>c) Peter's in the team.</p> <p>d) A kilo of peaches and a liter of cream.</p> <p>e) Please can you teach me to speak Japanese?</p>	<p>- Ví dụ:</p> <p>ticket fifty big</p> <p>picture dinner miss</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) fifty-six</p> <p>b) dinner in the kitchen</p> <p>c) a cinema ticket</p> <p>d) a picture of a building</p> <p>e) big business</p>	
Day 2	<p>/u:/</p> <p>(long vowel – nguyên âm dài)</p> <p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: miệng mở tron, hướng ra ngoài, hơi cong môi, mặt lưỡi đưa sâu vào trong khoang miệng, phía cuống lưỡi cong.</p> <p>- Độ dài của âm: Âm dài. Khi</p>	<p>/ʊ/</p> <p>(short vowel – nguyên âm ngắn)</p> <p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: miệng mở hơi tron, hướng ra ngoài, bè hơn một chút so với âm /u:/, mặt lưỡi đưa khá sâu vào trong khoang miệng nhưng không sâu bằng âm /u:/, phía cuống lưỡi cong.</p>	

	<p>phát âm, dây thanh rung, luồng hơi đi ra tự do không bị cản, có thể kéo dài.</p> <p>- Target sound: /u:/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>too group juice</p> <p>new shoe music</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) Me too</p> <p>b) Work in groups</p> <p>c) Fruit juice</p> <p>d) New shoes</p> <p>e) Listen to the music</p>	<p>- Độ dài của âm: Âm ngắn. Khi phát âm, dây thanh rung, luồng hơi đi từ phía trong miệng ra tự do không bị cản.</p> <p>- Target sound: /ʊ/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>ful sugar wod</p> <p>foot book woman</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) My bag's full.</p> <p>b) Where's my book?</p> <p>c) My left foot</p> <p>d) A kilo of sugar</p> <p>e) Who's that woman?</p>	
Day 3	<p>/ɑ:/</p> <p>(long vowel – nguyên âm dài)</p> <p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: môi mở thật</p>	<p>/ʌ/</p> <p>(short vowel – nguyên âm ngắn)</p> <p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: miệng mở khá rộng, hàm dưới đưa xuống một rộng, hàm dưới đưa xuống một cách</p>	

	<p>chút, mặt lưỡi đưa sâu vào trong khoang miệng, phía cuống lưỡi đưa xuống thấp.</p> <p>- Độ dài của âm: Âm dài. Khi phát âm, dây thanh rung, luồng hơi đi từ phía trong miệng ra tự do không bị cản, có thể kéo dài.</p> <p>- Target sound: /a:/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>after lau half</p> <p>father park start</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) How far is the car park?</p> <p>b) We went to a large bar full of b) film stars.</p> <p>c) We're starting in half an hour.</p>	<p>thoải mái, tự nhiên, lưỡi để tự nhiên, hơi đưa về phía sau, phía cuống lưỡi đưa xuống thấp.</p> <p>- Độ dài của âm: Âm ngắn. Khi phát âm, dây thanh rung, luồng hơi đi ra tự do không bị cản.</p> <p>- Target sound: /ʌ/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>bus Monday luck</p> <p>number mother study</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) Good luck with your exam next month!</p> <p>Take the number one bus.</p> <p>c) I said "Come on Monday", not "Come on Sunday"</p> <p>d) My mother was cooking while my brother was studying English in his room.</p>	
Day 4	/ɔ:/	/ʊ/	

(long vowel – nguyên âm dài)	(short vowel – nguyên âm ngắn)
<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: môi mở thật - Cách phát âm: môi mở khá tròn, tròn, cả môi trên và môi dưới môi dưới hướng ra ngoài, hàm dưới hướng ra ngoài, hàm dưới đưa xuống, mặt lưỡi đưa sâu vào trong khoang miệng, phía đầu lưỡi đưa thấp xuống.</p> <p>- Độ dài của âm: Âm dài. Khi phát âm, dây thanh rung, luồng hơi đi từ phía trong miệng ra tự do không bị cản, có thể kéo dài.</p> <p>- Target sound: /ɔ:/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>autumn four door</p> <p>quarter more water</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) Quarter past four</p> <p>b) Born in autumn</p> <p>c) Have some more</p>	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: môi mở khá tròn, tròn, cả môi trên và môi dưới môi dưới hướng ra ngoài, hàm dưới đưa xuống, mặt lưỡi đưa sâu vào trong khoang miệng, phía đầu lưỡi đưa xuống thấp hơn một chút so với âm /ɔ:/.</p> <p>- Độ dài của âm: Âm ngắn. Khi phát âm, dây thanh rung, luồng hơi đi ra tự do không bị cản.</p> <p>- Target sound: /ʊ/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>shop gone quality</p> <p>cost coffee holiday</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) Have you got a lot of shopping?</p> <p>b) John's gone to the shops.</p> <p>c) How much did your holiday cost?</p> <p>d) She said the coffee wasn't very</p>

	d) Walking on water	good, but I thought it was.	
	e) The fourth door on the fourth floor		
Day 5	/e/ (short vowel – nguyên âm ngắn)	/æ/ (short vowel – nguyên âm ngắn)	
	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: miệng mở khá sang hai bên, hàm dưới đưa sang hai bên hết cỡ, hàm dưới đưa xuống một chút, mặt lưỡi đưa ra phía trước khoang miệng và nằm khoảng giữa trong khoang miệng.</p> <p>- Độ dài của âm: Âm ngắn. Khi phát âm, dây thanh rung, luồng hơi đi ra tự do không bị cản.</p> <p>- Target sound: /e/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>again sentence help</p> <p>send twenty friend</p> <p>- Luyện tập:</p>	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: miệng mở rộng rộng sang hai bên hết cỡ, hàm dưới đưa xuống hết cỡ, mặt lưỡi đưa ra phía trước khoang miệng, cuống lưỡi đưa xuống thấp.</p> <p>- Độ dài của âm: Âm ngắn. Khi phát âm, dây thanh rung, luồng hơi đi ra tự do không bị cản.</p> <p>- Target sound: /æ/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>thank black am</p> <p>bank factory bag</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) Thanks for the cash.</p>	

	a) Tell me again. b) Send me a cheque. c) Correct these sentences. d) Twenty to twelve. e) Help you friend.	b) I ran to the bank. c) Where's my black jacket? d) That man works in a jam factory. e) Let me carry your bags.	
Day 6	<p style="text-align: center;">/ɜ:/</p> <p style="text-align: center;">(long vowel – nguyên âm dài)</p>	<p style="text-align: center;">/ə/</p> <p style="text-align: center;">(short vowel – nguyên âm ngắn)</p>	
	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: miệng và hàm mở một cách tự nhiên, thoải mái; lưỡi cũng để tự nhiên, thoải mái như khi phát âm các nguyên âm trong tiếng Việt, mặt lưỡi nằm khoảng giữa trong khoang miệng.</p> <p>- Độ dài của âm: Âm dài. Khi phát âm, dây thanh rung, luồng hơi đi ra tự do không bị cản, có thể kéo dài.</p> <p>- Target sound: /ɜ:/</p> <p>- Ví dụ:</p>	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: môi, miệng và hàm mở một cách tự nhiên, thoải mái; lưỡi cũng để tự nhiên, thoải mái như khi phát âm các nguyên âm trong tiếng Việt, mặt lưỡi nằm khoảng giữa trong khoang miệng nhưng thấp hơn một chút so với âm /ɜ:/.</p> <p>- Độ dài của âm: Âm ngắn. Khi phát âm, dây thanh rung, luồng hơi đi ra tự do không bị cản.</p> <p>- Target sound: /ə/</p> <p>- Ví dụ:</p>	

	<p>birthday world heard</p> <p>prefer Thursday learn</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) My birthday's on Thursday a) the thirty-first and hers is a week later.</p> <p>b) When would you prefer, c) Tuesday or Thursdays?</p> <p>c) That was the worst journey in d) Today is my birthday. the world.</p> <p>d) Have you heard this word?</p> <p>e) She went to university to learn German.</p>	<p>police today position</p> <p>listen visitor again</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>There is a police station next to the bookstore.</p> <p>b) I usually listen to KPOP songs.</p> <p>c) What are you looking for in a new position?</p> <p>d) Today is my birthday.</p> <p>e) Visitors coming to Da Lat never forget this valley because of its romance and beautiful sight.</p> <p>f) You should do it again.</p>	
Day 7	<p>/ɪə/</p> <p>(diphthong, long sound – nguyên âm đôi, âm dài)</p> <p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: chuyển từ âm /i/ sang âm giữa /ə/; khi bắt đầu, miệng mở rộng sang hai đầu, miệng mở rộng sang hai bên,</p>	<p>/eə/</p> <p>(diphthong, long sound – nguyên âm đôi, âm dài)</p> <p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: chuyển từ âm trước /ɪ/ sang âm giữa /ə/; khi bắt đầu, miệng mở rộng sang hai đầu, miệng mở rộng sang hai bên,</p>	

	<p>bên, mặt lưỡi đưa ra phía trước hàm dưới đưa xuống một chút, mặt khoang miệng và hướng lên trên, ngay sau đó, miệng hơi khép lại, môi mở ra tự nhiên, đưa lưỡi lùi vào giữa khoang miệng.</p> <p>- Target sound: /ɪə/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>here really year</p> <p>beard near clear</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) We're here!</p> <p>b) Are you growing a beard?</p> <p>c) Have a beer – cheers!</p> <p>d) Is there a bank near here?</p> <p>e) The meaning isn't really clear.</p>	<p>lưỡi đưa ra phía trước và nằm ở giữa khoang miệng, ngay sau đó, miệng hơi khép lại, môi mở ra tự nhiên, đưa lưỡi lùi vào giữa khoang miệng.</p> <p>- Target sound: /eə/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>aeroplane care hair</p> <p>where air stair</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) Look at that aeroplane!</p> <p>b) Where are you now?</p> <p>c) It seems to vanish into thin air.</p> <p>d) Walking up and down the stairs to lose weight.</p> <p>e) She has short black hair.</p> <p>f) You need to take care of yourself first.</p>	
Day 8	/eɪ/	/aɪ/	/ɔɪ/

(diphthong, long sound – nguyên âm đôi, âm dài)	(diphthong, long sound – nguyên âm đôi, âm dài)	(diphthong, long sound – nguyên âm đôi, âm dài)	
<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: - chuyển từ âm trước /e/ sang âm trước /ɪ/; khi bắt đầu, miệng mở rộng sang hai bên, hàm dưới đưa xuống một chút, mặt lưỡi đưa ra phía trước và nằm ở giữa khoang miệng, ngay sau đó, hàm dưới khép lại, miệng vẫn mở rộng sang hai bên, đưa lưỡi lên trên một chút, vẫn hướng ra phía trước.</p> <p>- Target sound: /eɪ/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>day gate they</p>	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: - chuyển từ âm sau /a:/ sang âm trước /ɪ/; khi bắt đầu, miệng mở rộng hết cỡ, hàm dưới đưa xuống hết cỡ, mặt lưỡi đưa vào trong khoang miệng và phía cuống lưỡi đưa xuống thấp, ngay sau đó, hàm dưới khép lại, miệng mở rộng sang hai bên, đưa lưỡi ra phía trước khoang miệng và hướng lên trên.</p> <p>- Target sound: /aɪ/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>boy voice coin</p>	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: - chuyển từ âm sau /ɔ:/ sang âm trước /ɪ/; khi bắt đầu, miệng mở thật tròn, hàm dưới đưa xuống, mặt lưỡi đưa vào trong khoang miệng và nằm ở giữa khoang miệng, ngay sau đó, hàm dưới khép lại, miệng vẫn mở rộng sang hai bên, đưa lưỡi ra phía trước khoang miệng và hướng lên trên.</p> <p>- Target sound: /ɔɪ/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>boy voice coin</p>	

	wait eight station - Luyện tập: a) They came a day later. b) It was a grey day in May. c) Is this the way to the station? d) Wait at the gate – I'll be there at eight.	fine try why like July right - Luyện tập: a) Do you like dry wine? b) Why don't you try? c) July will be fine. d) Drive on the right.	enjoy point toy - Luyện tập: a) I can hear a boy's voice. b) Those are coins, not toys! c) Enjoy your life in your own way. d) There is no point in explaining things to him.	
Day 9	/əʊ/ (diphthong, long sound – nguyên âm đôi, âm dài) - File nghe: - Cách phát âm: Chuyển từ âm giữa /ɜ:/ sang âm sau /ʊ/; khi bắt đầu, môi, miệng và hàm mở tự nhiên, thoải mái, mặt lưỡi nằm ở khoảng giữa trong khoang miệng, ngay sau đó, hàm dưới khép lại, miệng mở	/aʊ/ (diphthong, long sound – nguyên âm đôi, âm dài) - File nghe: - Cách phát âm: Chuyển từ trước /æ/ sang âm sau /ʊ/; khi bắt đầu, miệng mở rộng sang hai bên hết cỡ, hàm dưới đưa xuống hết cỡ, mặt lưỡi đưa ra phía trước khoang miệng và đưa		

<p>tròn, đưa lưỡi vào trong khoang miệng và hướng lên trên.</p> <p>- Target sound: /əʊ/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>know phone toe</p> <p>cold show home</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) I don't know.</p> <p>b) My toes are cold.</p> <p>c) She phoned me in October.</p> <p>d) They showed us their home.</p>	<p>xuống thấp, ngay sau đó, hàm dưới khép lại, miệng mở tròn, đưa lưỡi vào trong khoang miệng và hướng lên trên.</p> <p>- Target sound: /aʊ/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>vowel round pound</p> <p>sound now loud</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) A thousand pounds</p> <p>b) loud vowel sounds</p> <p>c) round the house</p> <p>d) Countdown – three, two, one, now!</p>
---	--

2. Chặng 2: Học phụ âm

Thời gian: **13 ngày - mỗi ngày 2 tiếng**

Nội dung: học các cặp phụ âm có cách phát âm tương đồng và học các phụ âm lẻ

Day 1: /p/ và /b/	Day 5: /θ/ và /ð/	Day 9: /m/, /n/ và /ŋ/
-------------------	-------------------	------------------------

Day 2: /t/ và /d/	Day 6: /s/ và /z/	Day 10: /h/
Day 3: /k/ và /g/	Day 7: /f/ và /z/	Day 11: /l/
Day 4: /f/ và /v/	Day 8: /tʃ/ và /dʒ/	Day 12: /r/
		Day 13: /w/ và /j/

Chặng 2	Phụ âm		Video
Day 1	/p/	/b/	
	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: khi bắt đầu, hai môi mím lại thật chặt, luồng hơi đẩy ra phía trước khoang miệng, ngay sau đó, hai môi mở ra thật nhanh để luồng hơi thoát ra ngoài.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /p/, dây thanh không rung. Bạn có thể đặt ngón tay lên cổ họng để kiểm tra, hoặc nếu bạn cầm một mảnh giấy phía trước miệng khi đẩy luồng hơi ra ngoài, mảnh giấy sẽ rung.</p> <p>- Target sound: /pə/</p>	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: khi bắt đầu, hai môi mím lại thật chặt, luồng hơi đẩy ra phía trước khoang miệng, ngay sau đó, hai môi mở ra thật nhanh để luồng hơi thoát ra ngoài.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /b/, dây thanh rung. Bạn có thể đặt ngón tay lên cổ họng để kiểm tra, hoặc nếu bạn cầm một mảnh giấy phía trước miệng khi đẩy luồng hơi ra ngoài, mảnh giấy sẽ không rung.</p>	

	<p>- Ví dụ:</p> <p>paper deep Europe</p> <p>push sleep happy</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) a piece of paper</p> <p>b) Push or pull?</p> <p>c) a deep sleep</p> <p>d) a cheap trip round Europe</p>	<p>- Target sound: /bə/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>big better between</p> <p>baby buy bank</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) big business</p> <p>b) When was the baby born?</p> <p>c) It's better to bake your own bread than to buy it.</p> <p>d) What's that big building between the bank and the library?</p>	
Day 2	/t/	/d/	
	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: khi bắt đầu, lưỡi - Cách phát âm: khi bắt đầu, lưỡi chạm vào mặt trong của răng trên, chạm vào mặt trong của răng trên, luồng hơi đẩy ra phía trước khoang miệng, ngay sau đó, lưỡi hạ xuống thật nhanh để luồng hơi thoát ra ngoài.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /t/, dây thanh không rung. Bạn có thể đặt ngón tay lên cổ họng để kiểm tra, hoặc nếu bạn cầm một mảnh giấy phía</p>	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: khi bắt đầu, lưỡi chạm vào mặt trong của răng trên, chạm vào mặt trong của răng trên, luồng hơi đẩy ra phía trước khoang miệng, ngay sau đó, lưỡi hạ xuống thật nhanh để luồng hơi thoát ra ngoài.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /d/, dây thanh rung. Bạn có thể đặt ngón tay lên cổ họng để kiểm</p>	

	<p>trước miệng khi đẩy luồng hơi ra ngoài, mảnh giấy sẽ rung.</p> <p>- Target sound: /tə/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>complete tea two</p> <p>light stopped bottle</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) You have to complete your homework before going out.</p> <p>b) Turn off the lights when you leave the room.</p> <p>c) He stopped to buy bread.</p> <p>d) There are two bottles of water on the table.</p>	<p>tra, hoặc nếu bạn cầm một mảnh giấy phía trước miệng khi đẩy luồng hơi ra ngoài, mảnh giấy sẽ không rung.</p> <p>- Target sound: /də/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>daddy ready end</p> <p>address door road</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) The end of the road</p> <p>b) I love my daddy so much.</p> <p>c) Are you ready?</p> <p>d) What's your address?</p> <p>e) Would you mind opening the door?</p>	
Day 3	/k/	/g/	
	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: khi bắt đầu, cuống lưỡi chạm vào phía trong của ngạc trên, luồng hơi đẩy ra phía trước khoang miệng, ngay sau đó, lưỡi hạ</p>	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: khi bắt đầu, cuống lưỡi chạm vào phía trong của ngạc trên, luồng hơi đẩy ra phía trước khoang miệng, ngay sau đó, lưỡi hạ</p>	

	<p>xuống thật nhanh để luồng hơi thoát ra ngoài.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /k/, dây thanh không rung. Bạn có thể đặt ngón tay lên cổ họng để kiểm tra, hoặc nếu bạn cầm một mảnh giấy phía trước miệng khi đẩy luồng hơi ra ngoài, mảnh giấy sẽ rung.</p> <p>- Target sound: /kə/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>look kitchen carefully</p> <p>keep key pocket</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) Look in the kitchen cupboard.</p> <p>b) Keep your keys in your pocket.</p> <p>c) You should drive carefully.</p>	<p>xuống thật nhanh để luồng hơi thoát ra ngoài.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /g/, dây thanh rung. Bạn có thể đặt ngón tay lên cổ họng để kiểm tra, hoặc nếu bạn cầm một mảnh giấy phía trước miệng khi đẩy luồng hơi ra ngoài, mảnh giấy sẽ không rung.</p> <p>- Target sound: /gə/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>begin girl guess</p> <p>go again jog</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) Can you guess the beginning of the dialogue?</p> <p>b) She is a beautiful girl.</p> <p>c) Are you going jogging again?</p>	
Day 4	/f/	/v/	
	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: răng cửa trên chạm vào môi dưới, đẩy luồng hơi từ từ ra</p>	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: răng cửa trên chạm vào môi dưới, đẩy luồng hơi từ từ ra</p>	

	<p>ngoài qua khe giữa môi và răng.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /f/, dây thanh không rung. Bạn có thể đặt ngón tay lên cổ họng để kiểm tra, hoặc nếu bạn cầm một mảnh giấy phía trước miệng khi đẩy luồng hơi ra ngoài, mảnh giấy sẽ rung.</p> <p>- Target sound: /fffff/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>family photo for</p> <p>feel February laugh</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) forty-five people</p> <p>b) a family photo</p> <p>c) I'm feeling fine.</p> <p>d) The fourteenth of February</p> <p>e) When I asked for her autograph she just laughed.</p>	<p>ngoài qua khe giữa môi và răng.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /v/, dây thanh rung. Bạn có thể đặt ngón tay lên cổ họng để kiểm tra, hoặc nếu bạn cầm một mảnh giấy phía trước miệng khi đẩy luồng hơi ra ngoài, mảnh giấy sẽ không rung.</p> <p>- Target sound: /vvvvv/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>very have leave</p> <p>visit live travel</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) We're leaving at five past seven.</p> <p>b) a visa for a seven-day visit</p> <p>c) Victoria lives in a village.</p> <p>d) I love travelling and doing charity.</p>	
Day 5	/θ/	/ð/	
	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: đầu lưỡi đặt vào giữa</p>	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: đầu lưỡi đặt vào</p>	

<p>răng cửa trên và răng cửa dưới, đẩy luồng hơi từ từ ra ngoài qua khe giữa đầu lưỡi và răng cửa trên.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /θ/, dây thanh không rung. Bạn có thể đặt ngón tay lên cổ họng để kiểm tra, hoặc nếu bạn cầm một mảnh giấy phía trước miệng khi đẩy luồng hơi ra ngoài, mảnh giấy sẽ rung.</p> <p>- Target sound: /θθθθθ/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>thank three south month third north</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) Thank you for listening. b) I will buy a car next month. c) It's thirteen degrees in the north, and thirty in the south. d) A: One third is thirty-three per cent, isn't it? B: Thirty-three and a third per cent, to be exact.</p>	<p>giữa răng cửa trên và răng cửa dưới, đẩy luồng hơi từ từ ra ngoài qua khe giữa đầu lưỡi và răng cửa trên.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /ð/, dây thanh rung. Bạn có thể đặt ngón tay lên cổ họng để kiểm tra, hoặc nếu bạn cầm một mảnh giấy phía trước miệng khi đẩy luồng hơi ra ngoài, mảnh giấy sẽ không rung.</p> <p>- Target sound: /ððððð/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>those there these other with breathe</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) A: Can I have one of those, please? B: These? A: No, the others, over there. b) A: Two coffees, please. B: With milk?</p>
--	--

		A: One with, and one without. c) I can't even breathe without you.	
Day 6	/s/	/z/	
	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: lưỡi chạm vào mặt trong của răng cửa trên, đầu lưỡi đưa ra ngoài gần chạm vào ngạc trên, đẩy luồng hơi từ từ ra ngoài qua khe giữa đầu lưỡi và răng cửa trên.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /s/, dây thanh không rung. Bạn có thể đặt ngón tay lên cổ họng để kiểm tra, hoặc nếu bạn cầm một mảnh giấy phía trước miệng khi đẩy luồng hơi ra ngoài, mảnh giấy sẽ rung.</p> <p>- Target sound: /sssss/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>summer place science</p> <p>glasses bus Saturday</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) summer in the city</p> <p>b) Have you ever seen my glasses?</p>	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: lưỡi chạm vào mặt trong của răng cửa trên, đầu lưỡi đưa ra ngoài gần chạm vào ngạc trên, đẩy luồng hơi từ từ ra ngoài qua khe giữa đầu lưỡi và răng cửa trên.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /z/, dây thanh rung. Bạn có thể đặt ngón tay lên cổ họng để kiểm tra, hoặc nếu bạn cầm một mảnh giấy phía trước miệng khi đẩy luồng hơi ra ngoài, mảnh giấy sẽ không rung.</p> <p>- Target sound: /zzzzz/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>zoo jazz roses</p> <p>easy always music</p> <p>- Luyện tập:</p>	

	<p>c) So, I'll see you in the same place next Saturday.</p> <p>d) I saw your sister on the bus yesterday.</p> <p>e) My science lessons were the most interesting.</p>	<p>a) What time does the zoo close?</p> <p>b) A: My favourite music is jazz. B: Really? Well, it's always interesting, but it isn't always easy to listen to.</p> <p>c) Roses are my favourite flowers.</p>	
Day 7	/ʃ/	/ʒ/	
	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: mặt lưỡi chạm vào hai hàm răng trên, đầu lưỡi hơi cong và đưa vào trong khoang miệng một chút, đẩy luồng hơi từ từ ra ngoài qua khe giữa đầu lưỡi và hàm răng trên.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /ʃ/, dây thanh không rung. Bạn có thể đặt ngón tay lên cổ họng để kiểm tra, hoặc nếu bạn cầm một mảnh giấy phía trước miệng khi đẩy luồng hơi ra ngoài, mảnh giấy sẽ rung.</p> <p>- Target sound: /ʃʃʃʃʃʃ/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>special sugar delicious</p>	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: mặt lưỡi chạm vào hai hàm răng trên, đầu lưỡi hơi cong và đưa vào trong khoang miệng một chút, đẩy luồng hơi từ từ ra ngoài qua khe giữa đầu lưỡi và hàm răng trên.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /ʒ/, dây thanh rung. Bạn có thể đặt ngón tay lên cổ họng để kiểm tra, hoặc nếu bạn cầm một mảnh giấy phía trước miệng khi đẩy luồng hơi ra ngoài, mảnh giấy sẽ không rung.</p> <p>- Target sound: /ʒʒʒʒʒʒ/</p> <p>- Ví dụ:</p>	

	<p>fresh intenational machine</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) This is a very special pronunciation machine.</p> <p>b) All our food is fresh, and we serve delicious intenational specialities.</p> <p>c) A: You didn't put sugar in my tea, did you?</p> <p>B: No</p> <p>A: Are you sure?</p>	<p>television Asia usually</p> <p>measurement division pleasure</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) The team plays in one of the lower divisions.</p> <p>b) They usually watch television for pleasure.</p> <p>c) Take the usual measurements.</p> <p>d) Kpop songs are very popular in Asia.</p>	
Day 8	/tʃ/	/dʒ/	
	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: đầu lưỡi chạm vào ngạc trên, luồng hơi đẩy ra phía trước khoang miệng, hạ lưỡi xuống và từ từ đẩy luồng hơi ra ngoài.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /tʃ/, dây thanh không rung. Bạn có thể đặt ngón tay lên cổ họng để kiểm tra, hoặc nếu bạn cầm một mảnh giấy phía trước miệng khi đẩy luồng hơi ra ngoài, mảnh giấy sẽ rung.</p>	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: đầu lưỡi chạm vào ngạc trên, luồng hơi đẩy ra phía trước khoang miệng, hạ lưỡi xuống và từ từ đẩy luồng hơi ra ngoài.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /dʒ/, dây thanh rung. Bạn có thể đặt ngón tay lên cổ họng để kiểm tra, hoặc nếu bạn cầm một mảnh giấy phía trước miệng khi đẩy luồng hơi ra ngoài, mảnh giấy sẽ không</p>	

	<p>- Target sound: /tʃə/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>question watch kitchen</p> <p>choose which picture</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) Which questions did you choose in the exam?</p> <p>b) The picture in the kitchen is drawn by a Japanese artist.</p> <p>c) Do you like watching TV?</p>	<p>rung.</p> <p>- Target sound: /dʒə/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>jacket bridge juice</p> <p>large language orange</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) Who's that wearing a large orange jacket?</p> <p>b) There's some juice in the fridge.</p> <p>c) Languages are bridge between people.</p>		
Day 9	/m/	/n/	/ŋ/	
	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: hai ngón tay đặt vào ngạc trên, mở, cuống lưỡi chạm vào ngạc trên để chặn luồng hơi đi vào miệng, ngay sau răng cửa, để vào ngạc trên để chặn luồng hơi từ mũi đi ra ngoài.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /m/, dây thanh rung. Bạn có thể đặt ngón tay ở cổ</p>	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: lưỡi chạm vào ngạc trên, mở, cuống lưỡi chạm vào ngạc trên để chặn luồng hơi đi vào miệng, luồng hơi từ mũi đi ra ngoài.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /n/, dây thanh rung. Bạn có thể</p>	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: miệng môi mím lại để chặn luồng hơi đi vào miệng, luồng hơi đi vào miệng, luồng hơi phải từ mũi đi ra ngoài.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /ŋ/, dây thanh rung. Bạn</p>	

	<p>họng để cảm nhận độ rung.</p> <p>- Target sound: /mmmmm/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>sum some middl mer times e more most me</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) sometimes in summer</p> <p>b) more for you, most for me</p> <p>c) in the middle of the film</p>	<p>đặt ngón tay ở cổ họng để cảm nhận độ rung.</p> <p>- Target sound: /nnnnn/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>sunn moon nine y aftern sun mont oon h</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) a sunny afternoon b) sun and moon c) nine months</p>	<p>có thể đặt ngón tay ở cổ họng để cảm nhận độ rung.</p> <p>- Target sound: /nnnnn/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>thing hung even ry ing sing long think ing</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) thinking about things b) a long evening singing songs c) a hungry man is an angry man</p>	
Day 10	/h/			
	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: lưỡi không chạm vào ngạc trên của miệng, nhanh chóng đẩy thật nhiều luồng hơi ra ngoài.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /h/, dây thanh không rung. Bạn có thể đặt ngón tay lên cổ họng để kiểm tra, hoặc nếu bạn cảm một mảnh giấy phía</p>			

	<p>trước miệng khi đẩy luồng hơi ra ngoài, mảnh giấy sẽ rung.</p> <p>- Target sound: /hə/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>hello hat hot whole help half</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) Hello, how are you?</p> <p>b) Whose hat is this?</p> <p>c) It's hot in here.</p> <p>d) We had a whole month's holiday.</p> <p>e) Can you help me for half an hour?</p>	
Day 11	<p>/l/</p> <p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: đầu lưỡi uốn cong chạm vào ngạc trên, ngay sau răng cửa, luồng hơi đi xung quanh mặt lưỡi.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /l/, dây thanh rung. Bạn có thể đặt ngón tay ở cổ họng để cảm nhận độ rung.</p> <p>- Target sound: /lllll/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>ave alone feel help ellow learn</p> <p>- Luyện tập:</p>	

	<p>a) When shall we leave?</p> <p>b) Are you alone?</p> <p>c) How do you feel?</p> <p>d) Can I help you?</p> <p>e) Look at those lovely little yellow flowers.</p> <p>f) Learning a new language can be difficult for some people.</p>	
Day 12	/r/	
	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: đầu lưỡi lúi vào phía trong khoang miệng, hai cạnh lưỡi chạm vào hai bên hàm răng trên, luồng hơi đi trong miệng và lưỡi có cảm giác rung khi phát âm. Chú ý đầu lưỡi không chạm vào ngạc trên.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /r/, dây thanh rung. Bạn có thể đặt ngón tay ở cổ họng để cảm nhận độ rung.</p> <p>- Target sound: /rrrrr/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>read sorry right write wrap room</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) What are you reading?</p> <p>b) I'm really sorry – your room isn't ready.</p> <p>c) I don't know if I'm right or wrong.</p> <p>d) She is writing a letter to her mother.</p>	

	e) They want to wrap presents for Christmas.	
Day 13	/w/	/j/
	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: môi mở tròn, hơi hướng ra ngoài, giống như khi phát âm /u:/, ngay sau đó, từ từ hạ hàm dưới xuống và phát âm âm /ə/; lưỡi có cảm giác rung khi phát âm.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /w/, dây thanh rung. Bạn có thể đặt ngón tay ở cổ họng để cảm nhận độ rung.</p> <p>- Target sound: /wə/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>warm question one</p> <p>word quarter language</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) swimming in warm water</p> <p>b) twenty-one words</p> <p>c) quarter to twelve on wednesday</p> <p>d) so many languages</p>	<p>- File nghe:</p> <p>- Cách phát âm: miệng mở sang hai bên, lưỡi đưa ra phía trước, giống như khi phát âm /i:/, ngay sau đó, từ từ hạ lưỡi và hạ cằm xuống và phát âm âm /ə/, lưỡi có cảm giác rung khi phát âm. Chú ý không chạm lưỡi vào ngạc trên.</p> <p>- Đặc tính dây thanh: Khi phát âm âm /j/, dây thanh rung. Bạn có thể đặt ngón tay ở cổ họng để cảm nhận độ rung.</p> <p>- Target sound: /jə/</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>young European beautiful</p> <p>university view yesterday</p> <p>- Luyện tập:</p> <p>a) a young university student</p> <p>b) a beautiful view</p> <p>c) the European Union</p>

e) the wrong word	d) I used the car yesterday.	
f) question and answer		

➤ **NOTE:** Mỗi âm, bạn nên luyện theo từng bước như sau:

- ✓ **Bước 1:** Kéo dài âm đang luyện tập trong 3 giây.
- ✓ **Bước 2:** Kéo dài âm đang luyện tập trong 1 giây.
- ✓ **Bước 3:** Phát âm âm đang luyện tập với tốc độ người bản ngữ.

➤ **MỞ RỘNG: CÁCH PHÁT ÂM ĐUÔI “-S” VÀ ĐUÔI “-ED”**

Cách phát âm đuôi “-s”:

Group 1 (đọc thành /s/)	Group 2 (đọc thành /ɪz/)	Group 3 (đọc thành /z/)
likes /laɪks/	misses /mɪsɪz/	cabs /kæbz/
folks /fəʊks/	places /pleɪsɪz/	tubs /tʌbz/
cakes /keɪks/	provinces /ˈprɒvɪnsɪz/	beds /bedz/
cats /kæts/	buzzes /bʌzɪz/	needs /niːdz/
fits /fɪts/	rises /raɪzɪz/	bags /bægz/
boots /buːts/	sizes /saɪzɪz/	legs /legz/
types /taɪps/	matches /mætʃɪz/	loves /lʌvs/
shops /ʃɒps/	watches /wɒtʃɪz/	gives /ɡɪvs/

maps /mæps/ laughs /lɑ:fs/ cuffs /kʌfs/ coughs /kɒfs/ paths /pɑ:θs/ baths /bɑ:θs/ months /mʌnθs/	reaches /ri:tʃɪz/ washes /wɒʃɪz/ dishes /dɪʃɪz/ manage /'mænɪdʒɪz/ changes /tʃeɪndʒɪz/ garages /'gærɑ:ʒɪz/ rouge /ru:ʒɪz/	bathes /beɪðz/ clothes /kləʊðz/ calls /kɔ:lz/ apples /'æpəlz/ swims /swɪmz/ comes /kʌmz/ eyes /aɪz/ plays /pleɪz/
Kết thúc bằng 5 âm vô thanh (voiceless): /k/, /p/, /t/, /f/, /θ/	Kết thúc bằng 6 âm: /s/, /ʃ/, /z/, /tʃ/, /dʒ/, /ʒ/	Kết thúc bằng các âm hữu thanh còn lại (voiced) và nguyên âm: /m/, /n/, /ŋ/, /l/, /g/, /b/, /d/, /r/, /v/, /ð/, /eɪ/, /aɪ/ ...

Cách phát âm đuôi “-ed”:

Group 1 (đọc thành /t/)	Group 2 (đọc thành /ɪd/)	Group 3 (đọc thành /d/)
liked /laɪkt/ baked /beɪkt/ cooked /kʊkt/	needed /ni:ɪd/ decided /dɪ'saɪ.ɪd/ amended /ə'mendɪd/	robed /rəʊbd/ bribed /braɪbd/ hugged /hʌgd/

<p>typed /taɪpt/ stopped /stɒpt/ hoped /həʊpt/ laughed /lɑ:ft/ coughed /kɒft/ watched /wɒtʃt/ reached /ri:tʃt/ searched /sɜ:tʃt/ washed /wɒʃt/ kissed /kɪst/ fixed /fɪkst/</p>	<p>intended /ɪn'tendɪd/ responded /rɪ'spɒndɪd/ related /rɪ'leɪ.tɪd/ waited /weɪtɪd/ wanted /'wɒntɪd/ started /stɑ:tɪd/ invited /ɪn'vaɪtɪd/</p>	<p>begged /begd/ calls /kɔ:ld/ smiled /smaɪld/ listened /'lɪsənd/ opened /'əʊpənd/ compared /kəm'peəd/ monitored /'mɒnɪtərd/ loved /lʌvd/ received /rɪ'si:vd/ manage /'mænɪdʒd/ changed /tʃeɪndʒd/ used /ju:zd/ played /pleɪd/</p>
<p>Kết thúc bằng 7 âm vô thanh (voiceless): /k/, /p/, /t/, /s/, /ʃ/, /tʃ/, /θ/</p>	<p>Kết thúc bằng 2 âm: /t/, /d/</p>	<p>Kết thúc bằng các âm hữu thanh còn lại (voiced) và nguyên âm: /m/, /n/, /ŋ/, /l/, /g/, /b/, /r/, /v/, /ð/, /dʒ/, /ʒ/, /z/, /eɪ/, /aɪ/ ...</p>

3. Chặng 3: Hiểu rõ và luyện tập các kỹ thuật phát âm nâng cao

- Sau khi luyện thành thạo 2 chặng trên, tức là bạn đã có thể phát âm được chuẩn các âm trong tiếng Anh. Nhưng để trình tiếng Anh của bạn có thể lên mức cao hơn, chuyên nghiệp hơn, bạn cần phải luyện thêm chặng 3 gồm các kỹ thuật nâng cao về: trọng âm, ngữ điệu và nối âm.

- Thời gian: **6 ngày, theo 3 phần:**

3.1. Phần 1: Trọng âm – Stress (2 ngày)

- Khác với tiếng Việt, tiếng Anh là ngôn ngữ đa âm tiết. Do vậy, những từ hai âm tiết trở lên trong tiếng Anh luôn có một âm tiết phát âm khác hẳn với các âm tiết còn lại: **cao hơn, mạnh hơn, dài hơn**. Đó được gọi là **trọng âm**.

- Âm tiết nào được phát âm **to hơn, giọng cao hơn và kéo dài hơn** các âm khác trong cùng một từ thì ta nói âm tiết đó được nhấn trọng âm; hay nói cách khác, trọng âm rơi vào âm tiết đó.

- Khi nhìn vào phiên âm của một từ, thì trọng âm của từ đó được ký hiệu bằng dấu (') ở phía trước, bên trên âm tiết đó.

Ví dụ:

a) happy /'hæp.i/ => trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất

b) improve /ɪm'pru:v/ => trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai

c) engineer /,en.dʒɪ'niə/ có hai trọng âm: trọng âm chính rơi vào âm tiết thứ ba /niə/ và trọng âm phụ rơi vào âm tiết thứ nhất /en/

- Trong tiếng Anh, trọng âm của từ không phải là lựa chọn ngẫu nhiên. Bạn không thể nhấn trọng âm vào bất cứ chỗ nào bạn thích. Nếu bạn nhấn sai trọng âm thì sẽ khiến người nghe cảm thấy khó hiểu, thậm chí nếu nhấn sai trọng âm, bạn còn làm thay đổi nghĩa của từ và từ loại.

Ví dụ:

a) **desert** có hai cách nhấn trọng âm, nhấn khác sẽ ra từ loại khác & nghĩa khác

desert	
/ˈdez.ət/ (danh từ): sa mạc, hoang mạc	/diˈzɜ:t/ (động từ): bỏ đi, rời đi, bỏ trốn, đào ngũ

b) **conflict** có hai cách nhấn trọng âm, nhấn khác sẽ ra từ loại khác & nghĩa khác

conflict	
/ˈkɒn.flɪkt/ (danh từ): xung đột; cuộc xung đột, tranh chấp	/kənˈflɪkt/ (động từ): đối lập; trái ngược; mâu thuẫn

⇒ Chính vì thế bạn cần phải nắm rõ quy tắc nhấn trọng âm để nói tiếng Anh chuẩn hơn và tự tin hơn trong giao tiếp để không xảy ra hiểu lầm nhé!

➤ **NOTE: 11 quy tắc nhấn trọng âm cần nhớ:**

1. Hầu hết các động từ có 2 âm tiết thì trọng âm thường rơi vào âm tiết thứ hai

✓ Ví dụ: beˈgin, forˈgive, inˈvite, aˈgree, imˈprove, supˈport, preˈvent, atˈtend, reˈmote, surˈvey, comˈbine, enˈlarge, disˈpose, aˈffect, subˈmit ...

✗ Một số trường hợp ngoại lệ: ˈanswer, ˈenter, ˈhappen, ˈoffer, ˈopen, ˈvisit...

2. Hầu hết các danh từ và tính từ có 2 âm tiết thì trọng âm thường rơi vào âm tiết thứ nhất

Danh từ	Tính từ
---------	---------

✓ Ví dụ: 'father, 'table, 'sister, 'office, 'mountain, 'system, 'effort, 'current, 'campus, 'Monday, 'doctor, 'finger, 'standard, 'sugar ...	✓ Ví dụ: 'happy, 'busy, 'careful, 'lucky, 'healthy, 'decent, 'instant, 'rural, 'suburb, 'handsome, 'proper ...
✗ Một số trường hợp ngoại lệ: ho'tel, ca'nal, ...	✗ Một số trường hợp ngoại lệ: asleep, amazed, sincere, polite ...

❖ **Lưu ý 1:**

a) Từ có hai âm tiết bắt đầu bằng “a” thường nhấn trọng âm vào âm tiết thứ hai.

Ví dụ: a'bout, a'gain, a'lone, a'chieve, a'live, as'leep, a'buse, a'fraid ...

b) Các đại từ phản thân luôn nhấn trọng âm ở âm tiết cuối cùng.

c) Từ hai âm tiết có chữ cái kết thúc là “y” => trọng âm được nhấn ở âm tiết thứ hai & chữ “y” sẽ được phát âm thành /ai/.

Ví dụ: re'ply/ /rɪ'plaɪ/, ap'ply, im'ply, re'ly, a'lly, sup'ply, com'ply, de'ny, de'fy ...

d) Từ bắt đầu bằng “every” sẽ nhấn trọng âm vào chính “every”. Ví

dụ: everyday /'ev.ri.deɪ/, 'everybody, 'everything, 'everywhere

e) Các từ hai âm tiết tận cùng bằng “ever” thì nhấn vào chính “ever”.

Ví dụ: forever /fə're.vəʃ/, however, whenever, whatever, whoever ...

f) Từ kết thúc bằng các đuôi **how, what, where**, sẽ nhấn trọng âm ở âm đầu tiên. Ví dụ: 'anywhere, 'somehow, 'somewhere ...



Lưu ý 2:

a) Trong các trường hợp sau, đa số các danh từ và tính từ có 2 âm tiết thì trọng âm thường rơi vào âm tiết thứ hai:

Danh từ	Tính từ
1, Nếu âm thứ hai chứa 1 nguyên âm dài (<i>long vowel</i>): /ɑ:/, /ɜ:/, /i:/, /ɔ:/, /u:/	
Ví dụ: <i>sham'poo</i> /ʃæm'pu:/ <i>re'sort</i> /rɪ'zɔ:t/ <i>machine</i> /mə'ʃi:n/ <i>police</i> /pə'li:s/ <i>re'form</i> /rɪ'fɔ:m/	Ví dụ: <i>complete</i> /kəm'pli:t/ <i>extreme</i> /ɪk'stri:m/ <i>asleep</i> /ə'sli:p/
2, Nếu âm thứ nhất chứa 1 nguyên âm ngắn và âm thứ 2 chứa 1 nguyên âm đôi (<i>diphthong</i>): /aɪ/, /aʊ/, /eɪ/, /oʊ/, /ɔɪ/, /eə/, /ɪə/, /ʊə/	
<i>re'tail</i> /ri:.teɪl/ <i>ad'vice</i> /əd'vaɪs/ <i>July</i> /dʒu'laɪ/ <i>mistake</i> /mɪ'steɪk/	<i>po'lite</i> /pə'laɪt/ <i>sin'cere</i> /sɪn'sɪəʳ/ <i>alone</i> /ə'ləʊn/ <i>amazed</i> /ə'meɪzd/

b) Một số từ 2 âm tiết sẽ có trọng âm khác nhau tùy thuộc vào từ loại.

Ví dụ: *record*, *desert*, *conflict* nếu là danh từ sẽ có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất: 'record; 'desert, 'conflict, còn khi là động từ thì trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2: re'cord; de'sert, con'flict

3. Danh từ ghép: trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.

Ví dụ: 'doorman, 'typewriter, 'greenhouse, 'toothbrush, 'bathroom, 'headache, 'blackbird, 'redhead, 'backyard, 'flashlight ...

4. Động từ ghép: trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai

Ví dụ: be'come, under'stand, over'flow ...

5. Tính từ ghép: trọng âm rơi vào phần thứ hai

Ví dụ: good-tempered, self-confident, well-dressed, hard-working, easy-going, old-fashioned ...

6. Các từ chỉ số lượng nhấn trọng âm ở từ cuối kết thúc bằng đuôi -teen, ngược lại sẽ nhấn trọng âm ở từ đầu tiên nếu kết thúc bằng đuôi -y:

Ví dụ: thir'teen, four'teen ...

'twenty, 'thirty, 'fifty ...

7. Nhấn trọng âm vào chính các hậu tố sau:

-ade	lemon'ade
-aire	million'aire, question'aire
-ee	refug'ee, train'ee, employ'ee, interview'ee
-een	seven'teen, four'teen
-eer	pioneer, engineer, mountaineer
-ese	Japanese, Japanese
-esque	picturesque, Romanesque
-isque	risqué,
-ette	cigarette
-oo	bamboo, taboo, kangaroo
-oon	typhoon, balloon, afternoon

✕

Một số trường hợp ngoại lệ: 'coffee, com'mitee...

8. Các từ tận cùng bằng các hậu tố sau đây thì trọng âm nhấn vào âm tiết ngay trước hậu tố đó:

-ial/ual	<i>tu'torial, contex'tual</i>
-ian	<i>li'brarian, Hun'garian</i>
-ic, ics	<i>eco'nomie, acroba'tics</i>
-ify	<i>a'cidify, so'lidify</i>
-ion	<i>so'lution, edu'cation</i>
-itive	<i>in'finite, in'tuitive</i>
-ulous, -orous	<i>mi'raculous, ri'diculous</i>
-graphy	<i>ge'ography, bi'ography, pho'tography</i>
-cial	<i>fi'nancial, of'ficial, com'mercial</i>
-ical	<i>theo'ritieal, eco'nomical</i>
-ient	<i>'ancient, su'fficient, e'fficient</i>
-ious, -eous	<i>sus'picious, cou'rageous</i>
-ity	<i>mi'nority, fa'tality, possi'bility</i>
-logy	<i>tech'nology, psy'chology</i>

- ✕ Một số trường hợp ngoại lệ: *'cathonic, 'lunatic, 'politics, a'rithmetic ...*

9. Các hậu tố sau đây không làm ảnh hưởng đến trọng âm của từ:

-able	<i>con'sider – con'siderable, a'void – a'voidable</i>
-dom	<i>'martyr – 'martyrdom</i>
-er, -or, est	<i>ad'venture – ad'venturer, 'educate – 'educator, long – 'longest</i>
-ful	<i>'beauty – 'beautiful</i>
-hood	<i>'brother – 'brotherhood</i>
-ing	<i>'educate – 'educating, 'interest – 'interesting</i>
-ish	<i>'yellow – 'yellowish</i>
-ism	<i>'alcohol – 'alcoholism</i>
-ist	<i>'journal – 'journalist, 'physics – 'physicist</i>

-ize	'neutral – 'neutralize
-less	'bottom – 'bottomless, de'fence – de'fenceless
-like	'autumn – 'autumn-like, 'business – 'businesslike
-ly	'careless – 'carelessly, ap'parent – ap'parently
-ment	de'velop – de'velopment, ac'company – ac'companiment
-ness, -less	care – 'careless – 'carelessness
-ship	'censor – 'censorship
-some	ad'venture – ad'venturesome, 'quarrel – 'quarrelsome
-wise	'other – 'otherwise

10. Tiền tố không làm thay đổi trọng âm chính của từ:

Ví dụ: a) im'portant / unim'portant

b) 'perfect / im'perfect

c) a'ppear / disa'ppear

d) 'crowded / over'crowded

✕

Một số trường hợp ngoại lệ: 'statement / 'understatement, 'ground / 'underground, ...

11. Đối với các từ có 3 âm tiết:

a) Đối với danh từ có ba âm tiết: nếu âm tiết thứ hai có chứa âm /ə/ hoặc /ɪ/ thì trọng âm sẽ rơi vào âm tiết thứ nhất.

Ví dụ: paradise /'pær.ə.daɪs/, pharmacy /'fɑ:.mə.si/,
holiday /'hɒl.ə.deɪ/, resident /'rez.ɪ.dənt/ ...

b) Nếu các danh từ có âm tiết thứ nhất chứa âm ngắn /ə/ hoặc /ɪ/; hoặc có âm tiết thứ hai chứa nguyên âm dài/ nguyên âm đôi thì trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.

Ví dụ: *computer /kəm'pjʊ:.tər/, potato /pə'teɪ.təʊ/,
banana /bə'na:.nə/, disaster /dɪ'zɑ:.stə(r)/ ...*

c) Nếu các động từ có âm tiết cuối cùng chứa âm /ə/ hoặc /ɪ/ thì trọng âm sẽ rơi vào âm tiết thứ hai.

Ví dụ: *consider /kən'sɪdər/, remember /rɪ'mem.bər/,
inhabit /ɪn'hæb.ɪt/, examine /ɪg'zæm.ɪn/...*

d) Nếu các tính từ có âm tiết đầu tiên chứa âm /ə/ hoặc /ɪ/ thì trọng âm sẽ rơi vào âm tiết thứ hai.

Ví dụ: *familiar /fə'mɪl.i.ər/, considerate /kən'sɪd.ər.ət/...*

3.2. Phần 2: Ngữ điệu – Intonation (2 ngày)

- Ngữ điệu là chúng ta nói như thế nào, không phải về nội dung mà là cách nói; cụ thể là sự ***lên xuống giọng*** trong khi nói. Điều này rất quan trọng vì nếu bạn lên xuống giọng không đúng chỗ sẽ dẫn đến hiểu lầm, hoặc tạo ra cảm giác khó chịu cho người nghe. Và đặc biệt, ngữ điệu chính là thứ để bạn truyền tải cảm xúc thông qua lời nói. ***Ngữ điệu khác nhau sẽ truyền tải thông điệp khác nhau.***

- Đôi khi bạn không thể hiểu được đối phương nói gì, nhưng chỉ cần để ý cách họ nói, bạn hoàn toàn có thể biết được họ đang vui, buồn, tức giận hay căng thẳng, nói ý chân thật hay mỉa mai... Bạn sẽ hiểu được rất nhiều điều chỉ cần nghe qua cách họ nói. Như vậy, bạn cần hiểu biết về ngữ điệu để nói tiếng Anh hay hơn và tự nhiên hơn.

- Có 2 loại ngữ điệu phổ biến là ngữ điệu lên (***the rising tune***) và ngữ điệu xuống (***the falling tune***). Ngoài ra bạn có thể kết hợp cả hai và gọi là ngữ điệu kết hợp lên xuống (***the rising - falling / the falling - rising tune***).

➤ **NOTE: 15 quy tắc ngữ điệu cần nhớ:**

A. Khi lên giọng (rising tune):

1. Trong các câu hỏi yes-no: lên giọng ở cuối

câu Ví dụ:

Do you know how to play guitar?

(Lên giọng ở “-tar”)

2. Câu hỏi lặp lại (-echo questions) được dùng khi ta nghe không rõ, không hiểu, hoặc hỏi người đối thoại đã nói gì hoặc chỉ là cách để dừng cho mình suy nghĩ và trả lời => lên giọng ở cuối câu

Ví dụ:

A: Do you have a girlfriend? (girlfriend? Tổ vể ngạc nhiên) (Lên giọng ở “-friend”)

B: Ah. I have a girlfriend.

3. Trong các câu mệnh lệnh: lên giọng ở cuối

câu Ví dụ:

Take the key, will you?

(Lên giọng ở “key”)

4. Trong các câu khẳng định có hàm ý nghi vấn: lên giọng ở cuối

câu Ví dụ:

You are going to wear this dress to the party tonight?

(Lên giọng ở “-night”)

5. Khi có các từ xưng hô: ta lên giọng ở ngay từ cuối

cùng Ví dụ:

My dear, long time no see but you are still the same.

(Lên giọng ở “dear”)

B. Khi xuống giọng (falling tune):

6. Trong các câu trần thuật: xuống giọng ở cuối câu, khi gặp dấu chấm hoặc dấu phẩy

Ví dụ:

I think you should go home now.

(Xuống giọng ở “now”)

7. Trong các câu hỏi bắt đầu bằng từ để hỏi (*Wh-questions*): *what, when, where, what, how, which, whose, whom*: xuống giọng ở cuối câu

What are you doing outside?

(Xuống giọng ở “-side”)

8. Trong các câu chào hỏi: xuống giọng ở cuối câu chào

hỏi Ví dụ:

Good morning, how are you today?

(Xuống giọng ở “-ning”)

9. Trong các câu cảm thán: xuống giọng ở cuối câu

Ví dụ:

What a beautiful garden!

(Xuống giọng ở “-den”)

10. Khi kêu gọi ai đó làm gì đó: xuống giọng ở cuối câu

Ví dụ:

(Xuống giọng ở “-king”)

11. Trong các câu đề nghị: xuống giọng ở cuối câu

Ví dụ:

(Xuống giọng ở “-ming”)

12. Câu hỏi đuôi (*tag questions*):

- a) Xuống cuối câu: khi người nói chắc chắn điều mình nói và mong đợi câu trả lời đồng ý với mình.

Ví dụ: *It's so sexy, isn't it?*

(Xuống giọng ở “sexy”, “it”)

⇒

Khi nghe người nói xuống ngữ điệu như thế, tức là nó quá sexy, người nói khá chắc chắn điều mình nói và mong đợi câu trả lời đồng ý với mình => nếu bạn đồng tình thì bạn đáp là *Yes*, chứ không phải là *No*

- b) Xuống cuối câu: khi người nói muốn xác định điều mình hỏi, và hỏi để xác định là đúng hay không

Ví dụ:

A: You are a Lion, aren't you? (Xuống giọng ở “Lion”, lên giọng ở “you”)

B: Yes, I am. / No, I am a Rabbit.

C. Vừa lên giọng vừa xuống giọng (the rising – falling tune)

13. Đối với các loại liệt kê: lên giọng ở vị trí dấu phẩy và trước từ “and”, xuống giọng ở cuối câu

Ví dụ:

*I have a pen, a ruler, a pencil **and** a book.*

(Lên giọng ở “pen”, “-ler”, “-cil” và xuống giọng ở “book”)

14. Trong các câu chỉ sự chọn lựa: lên giọng trước “or” và xuống giọng ở cuối câu

Ví dụ:

*You have to choose one among these dresses, the red one (↑) **or** the blue one*

(↓)? (Lên giọng ở “one” sau “red”, xuống giọng ở “one” sau “blue”)

15. Đối với các số đếm: lên giọng sau dấu phẩy, xuống giọng ở số đếm cuối cùng

Ví dụ:

Let's count together with me, one (↑), two (↑), three (↑), four (↑), and five (↓).

(Lên giọng ở “one”, “two”, “three”, “four”, xuống giọng ở “five”)



NOTE:

a) Trong câu và cụm từ, có nhiều từ được nhấn mạnh và cũng có nhiều từ bị lướt tốc độ, thậm chí là nó còn nhỏ đi:



Được nhấn mạnh => tức là chữ no tròn, được phát âm rõ và không được đọc lướt, bao gồm: danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, từ để hỏi (*who, what...*), đại từ chỉ định khi đứng trước tobe, không có danh từ theo sau (*this, that, these, those*), đại từ sở hữu (*mine, yours...*)

- ✕ Không được nhấn mạnh => đọc lướt, bao gồm: mạo từ (*a/ an/ the*), to be (*am, is, was* ...), trợ động từ (*do, have...*), động từ khiếm khuyết (*can, must...*), đại từ nhân xưng (*I, you...*), tính từ sở hữu (*my, your*), giới từ (*to, from, in...*), liên từ (*and, but, or...*), tính từ chỉ định khi đứng trước danh từ (*this, that, these, those*)

b) **Quy tắc “cảm xúc”**: Ngoài 15 quy tắc nêu trên còn có một quy tắc nữa bạn cần lưu ý là: muốn làm nổi bật ý của từ nào thì sẽ nhấn từ đó, tùy vào ý định và cảm xúc của bạn.

Ví dụ:

- *How are you?* (nhấn “are” trong trường hợp hỏi thăm sức khỏe bình thường)
- *How are you?* (nhấn “how” khi bạn gặp một người có vẻ không khỏe, mặt xanh xao nhợt nhạt hay đại loại như thế)
- *How are you?* (nhấn “you” ví dụ khi bạn ở giữa một đám đông và bạn chỉ muốn ám chỉ một người mà bạn hỏi hoặc một người trong số đó thôi)

3.3. Phần 3: Nói âm - Liaison (2 ngày)

- Nói âm là điều rất đặc trưng trong tiếng Anh. Nói âm là khi có 2 từ đứng cạnh nhau, 1 từ kết thúc bằng 1 phụ âm còn từ kia bắt đầu bằng 1 nguyên âm, thì phụ âm đó sẽ đọc kéo dài sang từ bắt đầu bằng nguyên âm.

2 từ “your” /jɔːr/ và “eyes” /aɪz/ khi được đặt cạnh nhau thì bạn sẽ nối phụ âm cuối “/r/” của từ trước vào nguyên âm “/aɪ/” bắt đầu của từ sau, đọc thành /jɔːraɪz/

- Trong giao tiếp hàng ngày, người bản xứ nói rất nhanh và họ có xu hướng nối âm của các từ với nhau. Nếu không nắm được cách nói âm này, bạn sẽ thấy bối ngỡ và khó khăn khi giao tiếp với người bản xứ. Vì thế, bạn cần luyện tập nói âm để có thể nghe hiểu và nói tiếng Anh trôi

chảy, lưu loát, tự tin và tự nhiên nhất. Để có thể làm được như vậy, bạn cần nhớ **4 quy tắc nối âm** sau đây:

1. Quy tắc phụ âm đứng trước nguyên âm:

- Khi từ trước kết thúc bằng một phụ âm, từ sau bắt đầu bằng một nguyên âm, bạn đọc nối phụ âm với nguyên âm.

Ví dụ:

a) check in

Trước khi nối âm: /tʃek_in/

Sau khi nối âm: /'tʃe_kɪn/

b) fill up

Trước khi nối âm: /fɪl_ʌp/

Sau khi nối âm: /fɪ_lʌp/

c) My name is Alice.

Trước khi nối âm: /maɪ_neɪm_ɪz_ælis/

Sau khi nối âm: /maɪ_neɪ_mɪ_zælis/

d) Look at that!

Trước khi nối âm: /lʊk_æt_ðæt/

Sau khi nối âm: /lʊ_kæt_ðæt/

- Đối với những cụm từ viết tắt:

Ví dụ:

a) MA (Master of Arts)

Trước khi nối âm: /em_ei/

Sau khi nối âm: /e_mei/

b) LA (Los Angeles)

Trước khi nối âm: /el_ei/

Sau khi nối âm: /e_lei/

❖ **NOTE:**



Tuy nhiên, khi một phụ âm có gió đứng trước nguyên âm, trước khi bạn nối với nguyên âm, bạn phải chuyển phụ âm đó sang phụ âm không gió tương ứng.

Ví dụ:

Từ "laugh" có âm tận cùng là /f/, nhưng nếu bạn dùng trong một cụm từ như "laugh at someone", bạn phải chuyển âm /f/ thành /v/ và đọc là /la:v væt/.



Mời các bạn luyện tập quy tắc nối âm khi phụ âm đứng trước nguyên âm trong các ví dụ sau:

wall eye /'wɔ:_lai/

hold on /'həʊl_dən/

pull off /'pʊ_lɒf/

full automatic /'fʊ_lɔ:tə'mætɪk/

make up /'meɪ_kʌp/

catch all /'kæ_tʃɔ:l/

come on /'kʌ_mɒn/

break up /'breɪ_kʌp/

2. Quy tắc nguyên âm đứng trước nguyên âm:

Khi từ trước kết thúc bằng một nguyên âm, từ sau bắt đầu bằng một nguyên âm thì 2 nguyên âm này được nối với nhau bởi 1 phụ âm, cụ thể như sau:

- Đối với nguyên âm tròn môi (khi phát âm, môi bạn nhìn giống hình chữ "o", ví dụ: /u:/, /ʊ/, /əʊ/, /aʊ/ ...), bạn thêm âm "w" rất ngắn vào giữa.

Ví dụ:

a) do it

Trước khi nối âm: /du: _ɪt/

Sau khi nối âm: /**du: _wɪt**/

b) USA

Trước khi nối âm: /ju: _es _eɪ/

Sau khi nối âm: /**ju: _we _seɪ**/

c) you and me

Trước khi nối âm: /ju: _ænd _mi:/

Sau khi nối âm: /**ju: _wænd _mi:**/

d) two or three

Trước khi nối âm: /tu: _ɔ:r _θri:/

Sau khi nối âm: /**tu: _wɔ:r _θri:**/

e) go outside

Trước khi nối âm: /gəʊ _aʊt' saɪd/

Sau khi nối âm: /**gəʊ _waʊt' saɪd**/

- Nếu nguyên âm cuối của từ trước là /i:/ hoặc /ɪ/, từ sau bắt đầu bằng bất cứ nguyên âm nào, bạn thêm một âm "j" rất ngắn vào giữa.

Ví dụ:

a) *me and you*

Trước khi nối âm: /mi:_ænd_ju:/

Sau khi nối âm: /mi:_jænd_ju:/

b) *three or four*

Trước khi nối âm: /θri:_ɔ:r_fɔ:r/

Sau khi nối âm: /θri:_jɔ:r_fɔ:r/

c) *the end*

Trước khi nối âm: /ði:_end/

Sau khi nối âm: /ði:_jend/

d) *VOA*

Trước khi nối âm: /vi:_əv_eɪ/

Sau khi nối âm: /vi:_jəv_eɪ/

a) *He asked*

Trước khi nối âm: /hi:_ɑ:skt/

Sau khi nối âm: /hi:_jɑ:skt/

3. Quy tắc nối phụ âm cuối của từ trước và âm /h/ đầu của từ sau:

Khi nói nhanh, người bản xứ có xu hướng bỏ qua âm /h/ đứng đầu của một số từ như **her, him, have, has, had**, vì vậy họ sẽ đọc nối phụ âm cuối của từ trước với nguyên âm phía sau /h/ của từ sau luôn.

Ví dụ:

a) *I gave her a pen.*

Trước khi nối âm: /aɪ_gerv_ /hɜːr_ ə_pen/

Sau khi nối âm: /aɪ_geɪ_vɜː_rə_pen/

b) *Was he there?*

Trước khi nối âm: /wɒz_hiː_ðeər/

Sau khi nối âm: /wɒ_ziː_ðeər/

c) *What have you done?*

Trước khi nối âm: /wɒt_hæv_juː_dʌn/

Sau khi nối âm: /wɒ_tæv_juː_dʌn/

d) *This is her sister.*

Trước khi nối âm: /ðɪs_ɪz_hɜːr_sɪstər/

Sau khi nối âm: /ðɪ_si_zɜːr_sɪstər/

4. Quy tắc nối âm giữa phụ âm cuối /t/, /d/, /s/, /z/ của từ trước và âm /j/ của từ sau

Trong trường hợp phụ âm cuối của từ trước thuộc 1 trong 4 phụ âm /t/, /d/, /s/, /z/ và từ đi sau bắt đầu bằng /j/ thì sẽ có sự biến đổi nhẹ trong phát âm như sau:

➤ /t/ + /j/ = /tʃ/

Ví dụ:

a) *Nice to meet you.*

Trước khi nối âm: /naɪs_tu_mi:t_ju:/

Sau khi nối âm: /naɪs_tu_mi:_tʃu:/

b) *I will let you know.*

Trước khi nối âm: /aɪ_wɪl_let_ju:_nəʊ/

Sau khi nối âm: /aɪ_wɪl_le_tʃu:_nəʊ/

➤ /d/ + /j/ = /dʒ/

Ví dụ:

a) *Would you help me?*

Trước khi nối âm: /wʊd_ju:_help_mi:/

Sau khi nối âm: /wʊ_dʒu:_help_mi:/

b) *We followed your instructions.*

Trước khi nối âm: /wi:_ˈfɒləʊd_jər_inˈstrʌkʃənz/

Sau khi nối âm: /wi:_ˈfɒləʊ_dʒə_rɪnˈstrʌkʃənz/

➤ /s/ + /j/ = /ʃ/

a) *Press your hands together.*

Trước khi nối âm: /pres_jər_hændz_təgeðəʳ/

Sau khi nối âm: /pre_jər_hændz_təgeðəʳ/

b) *I will try to guess your age.*

Trước khi nối âm: /aɪ_wɪl_traɪ_tu_ges_jəʳ_eɪdʒ/

Sau khi nối âm: /aɪ_wɪl_traɪ_tu_ge_jə_reɪdʒ/

➤ /z/ + /j/ = /ʒ/

a) *Where's your mom?*

Trước khi nối âm: /weərz_jər_mɒm/

Sau khi nối âm: /weə_ʒər_mɒm/

b) *How was your trip?*

Trước khi nối âm: /haʊ_wɒz_jər_trɪp/

Sau khi nối âm: /haʊ_wɒ_ʒər_trɪp/

II. KẾT LUẬN

- Trên đây là những quy tắc nhân trọng âm, quy tắc ngữ điệu và quy tắc nối âm thường được sử dụng trong giao tiếp tiếng Anh mà các bạn có thể áp dụng vào các tình huống giao tiếp thường ngày để cải thiện khả năng nghe - nói tiếng Anh của mình. Ban đầu, việc vận dụng các quy tắc khi nói sẽ gặp nhiều khó khăn, nhất là với các bạn mới luyện nói và phát âm, nhưng bạn đừng vì thế mà nản lòng nhé!

- Ngoài việc học lý thuyết, bạn cần thực hành phát âm thường xuyên bằng cách bắt chước theo video hướng dẫn, đóng vai để luyện tập nói với bạn bè và mọi người xung quanh, kết hợp vừa học vừa giải trí thông qua xem phim, nghe bản tin, nghe nhạc, đọc báo tiếng Anh ... Thêm vào đó, hãy tự tạo cho bản thân nhiều cơ hội giao tiếp Tiếng Anh để phát huy tối đa những kiến thức

lý thuyết đã học, ví dụ bạn có thể đi tham quan, đi dạo chơi ở những nơi có nhiều khách du lịch nước ngoài để có cơ hội tiếp xúc và nói chuyện trực tiếp với người bản xứ chẳng hạn.

- Thông thường, nếu không có thời gian thì chỉ cần luyện chặng 1 và 2 là bạn đã có thể hoàn toàn phát âm chuẩn Anh - Mỹ; còn nếu muốn trở thành người có khả năng giao tiếp tiếng Anh chuyên nghiệp, nói tiếng Anh tự nhiên như người bản xứ, bạn cần phải luyện tiếp chặng thứ 3.

Không có gì là dễ dàng ngay từ đầu cả, bạn hãy kiên trì một chút, chăm chỉ một chút, hãy học và thực hành bằng niềm yêu thích tiếng Anh thực sự chứ không phải chỉ vì điểm thi hay bất cứ lý do nào khác. Thành công là cả một quá trình chứ không phải đích đến. Chúc các bạn học tốt!

III. MỘT SỐ WEBSITE GIÚP HỌC PHÁT ÂM TỐT HƠN

- 1, www.bbc.co.uk/worldservice/learningenglish/grammar/pron/
- 2, www.beedictionary.com
- 3, <http://englishdaily626.com/>
- 4, www.dictionary.cambridge.org
- 5, <http://www.elearnenglishlanguage.com/esl/grammar/simplepast-pronunciation.html>
- 6, www.englishclub.com
- 7, www.english-at-home.com
- 8, <http://www.englishpronunciationpod.com/index.html>
- 9, <http://www.eslflow.com/pronunciationlessonplans.html>
- 10, <http://www.esltower.com/pronunciation.html>
- 11, repeatafterus.com
- 12, www.soundsofenglish.org
- 13, <http://esl-us.com/eslcenter.htm>
- 14, <http://esl-lab.com/>
- 15, <http://soundsofspeech.uiowa.edu/resources/english/english.html>

16, <https://learningenglish.voanews.com/p/5644.html>

17, <https://learningenglish.voanews.com/a/improve-your-pronunciation-by-training-your-ears/3853284.html>

18, <https://www.youtube.com/watch?v=2trgRpCZ-pA>

19, <http://americanrhetoric.com/>

20, <https://www.thoughtco.com/esl-pronunciation-and-conversation-4133093>

MS. HOA GIAO TIẾP – Mô hình thực hành giao tiếp số 1 tại Việt Nam với phương pháp phản xạ - truyền cảm hứng hoàn toàn khác biệt. Phương pháp này có gì đặc biệt?

PHƯƠNG PHÁP PHẢN XẠ

Bước đầu tiên là kích thích khả năng ghi nhớ

Các bạn sẽ tạo ra trong não bộ mình một khu vực để ghi nhớ các từ hoặc cụm từ bằng cách **repeat (lặp lại)** ít nhất 5 lần cùng với Sứ giả. Tuy nhiên, việc lặp lại này sẽ không diễn ra một cách nhàm chán mà sẽ trở thành một hoạt động thú vị khi đi đôi với những **techniques (kỹ thuật)** của các Sứ giả. Các techniques như **clap hand** (vỗ tay), **slap on board** (gõ bảng) hay **musical** (phương pháp áp dụng nhạc điệu) sẽ được tận dụng để biến hóa khiến cho việc repeat trở nên sôi nổi, hào hứng và phát huy được tối đa hiệu quả. Thậm chí, các Sứ giả sẽ khiến cho bạn ghi nhớ trong vô thức bằng các hoạt động liên quan đến tranh ảnh, màu sắc và con người.

Bước thứ hai là hình thức phản xạ bằng Questions and Answers

Ví dụ, sau khi tiến hành repeat cụm **“I prefer going to the cinema”** trong chủ đề Hobby, học viên với sự hướng dẫn của Sứ giả sẽ cho ra một nhóm các câu hỏi để có thể áp dụng câu trả lời trên như **“What is your hobby?”**, **“What do you like doing in your free time?”** hay **“What activities do you like doing?”**. Thông qua Questions and answers, học viên sẽ được tạo phản xạ liên tục **Hỏi – Phản xạ - Hỏi – Phản xạ - Hỏi – Phản xạ** để khắc sâu mãi mãi kiến thức đã được học và ứng biến thật nhanh khi gặp các câu hỏi này trong cuộc sống.

Cuối buổi học, học viên sẽ ghi nhớ được ngay lập tức kiến thức và biết cách ứng dụng mà không tốn quá nhiều thời gian.

PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN CẢM HỨNG

Sau quá trình phản xạ liên tục **Hỏi – Phản xạ - Hỏi – Phản xạ - Hỏi – Phản xạ**, học viên sẽ học thuộc luôn hội thoại sau buổi học. Tuy nhiên, là Inspiration Messenger, Ms Hoa Giao tiếp không muốn học viên chỉ dừng lại ở đó. Ms Hoa Giao tiếp luôn khao khát được truyền cảm hứng Tiếng Anh cho từng học viên của mình qua mỗi bài học để học viên không chỉ hoàn thành bài học xuất sắc mà còn khơi dậy tình yêu tiếng Anh vô tận của mình. Ms Hoa Giao tiếp sẽ khơi gợi cảm hứng và truyền cho bạn nhiệt huyết để biến “learn English” thành “enjoy English”.

Học viên tự mình kiến tạo hội thoại theo biểu đồ tư duy (Mind-map)

Trước hết, việc truyền cảm hứng sẽ được thể hiện qua hoạt động tự xây dựng hội thoại của học viên. Trong những lớp học giao tiếp đang phổ biến hiện nay, các bạn luôn phải học theo những đoạn hội thoại mẫu có sẵn trên giấy – quá truyền thống và khó nhớ - vì các bạn không phải là người tạo ra những đoạn hội thoại đó. Ngược lại, tại lớp học của Ms Hoa Giao tiếp, **chính bạn sẽ là người tạo ra những đoạn hội thoại của riêng mình** với sự đồng hành của các Sứ giả truyền cảm hứng.

Để có thể tự xây dựng các đoạn hội thoại, học viên sẽ được Sứ giả truyền đạt phương pháp **phát triển ý theo mind-map** để loại bỏ những câu trả lời quá ngắn và không biểu lộ được cảm xúc khi nói chuyện với người nước ngoài. Sau khi được tiếp cận với **sơ đồ tư duy mind-map**, câu trả lời của các bạn sẽ trở nên uyển chuyển và hấp dẫn hơn rất nhiều.

Khám phá tiếng Anh theo hướng VẼ ĐẸP

Việc truyền cảm hứng còn được thể hiện qua những chia sẻ của Sứ giả về vẻ đẹp của Tiếng Anh để khơi dậy tình yêu thứ ngôn ngữ này từ chính các bạn học viên. Xuyên suốt bài học, Sứ giả sẽ cho các bạn những **món quà ngôn ngữ** giúp các bạn hiểu được lý do tại sao người nước

ngoài luôn nói “You and I” mà không phải “I and you” để thể hiện sự tôn trọng của họ đối với bạn, hay như “learn by heart” đó chính là hãy học bằng cả trái tim và cả tấm lòng của mình.

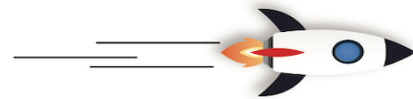
Với bản ngữ “Affect” là động từ mang nghĩa “ảnh hưởng” nhưng “affection” lại mang nghĩa là “tình yêu thương”. Vậy, nếu bạn muốn “affect - ảnh hưởng” người khác thì hãy ảnh hưởng họ bằng “affection – tình yêu thương”.

Với đội ngũ Sứ giả giàu kinh nghiệm và nhiệt huyết, Ms Hoa Giao Tiếp hy vọng sẽ được đồng hành cùng các bạn trong quá trình chinh phục Tiếng Anh giao tiếp để Tiếng Anh không còn là kẻ thù, mà sẽ trở thành một người bạn đồng hành giúp các bạn tự tin hơn trong cuộc sống và thăng tiến xa hơn trên con đường mà mình đã chọn.

LỘ TRÌNH HỌC TINH GỌN, ĐỘC QUYỀN TẠI MS. HOA GIAO TIẾP

KHÓA HỌC GIAO TIẾP

Cam kết đầu ra chuẩn quốc tế



Khóa 01 KHỞI ĐỘNG BEGINNER

Mới bắt đầu chinh phục tiếng Anh. Cần môi trường để rèn luyện kỹ năng giao tiếp.

- ✶ Xóa bỏ hoàn toàn nỗi sợ hãi nói tiếng Anh.
- ✶ Đọc được bản phiên âm quốc tế IPA.
- ✶ Thành thạo tư duy hội thoại trong 13 chủ đề giao tiếp hàng ngày và 8 chủ đề giao tiếp theo bối cảnh.
- ✶ Cam kết đầu ra A1.

Khóa 02 BỨT PHÁ INTERMEDIATE

Có nền tảng ngữ âm căn bản, nghe được nhưng không nói được. Có vốn từ vựng, phản xạ nhưng không biết cách thiết lập và phát triển hội thoại. Dành cho những bạn có 450+ TOEIC.

- ✶ Nội chuẩn phát âm, trọng âm trong câu. Nắm được các quy tắc phát âm nâng cao như: gián âm, nối âm theo đúng ngữ điệu người nước ngoài.
- ✶ Giao tiếp thành thạo 28 chủ đề trong đời sống xã hội và công việc.
- ✶ Cam kết đầu ra A2.

Khóa 03 CHUYÊN SÂU ADVANCED

Có nền tảng ngôn ngữ, nhưng hay bí ý tưởng để thiết lập các cuộc hội thoại dài. Chuyên sâu vào các chủ điểm giao tiếp trong môi trường công việc và nghị luận xã hội. Dành cho các bạn có 650+ TOEIC.

- ✶ Phát âm chuẩn giọng Anh Mỹ.
- ✶ Diễn đạt, trình bày trôi chảy ý kiến cá nhân liên quan tới các vấn đề xã hội.
- ✶ Thành thạo kỹ năng đàm phán, thuyết trình, tranh luận...
- ✶ 50% thời gian sẽ được thực hành trực tiếp với giảng viên nước ngoài
- ✶ Cam kết đầu ra B1.

KHÓA GIAO TIẾP BEGINNER – DÀNH CHO NGƯỜI MẮT GỐC

Khóa giao tiếp hàng ngày BEGINNER dành cho người mất gốc, mới bắt đầu giao tiếp tiếng Anh tự tin giao tiếp sau 4 tháng.

KHÓA GIAO TIẾP INTERMEDIATE - NÂNG CAO

Lộ trình 28 ngày học phát âm cho người mất gốc

Trang | 62

Link bài giảng trực quan: <https://bit.ly/3Adxj>

KHÓA HỌC TIẾNG ANH GIAO TIẾP INTERMEDIATE dành cho các bạn đã có căn bản, với phương pháp phản xạ truyền cảm hứng và yêu tiếng Anh hơn do Ms Hoa thiết kế giúp học viên tự tin giao tiếp chuyên nghiệp sau 4 tháng

KHÓA GIAO TIẾP ADVANCED – KHOÁ GIAO TIẾP CHUYÊN SÂU

Ms Hoa giao tiếp thiết kế khóa tiếng Anh giao tiếp chuyên sâu dành cho tất cả sinh viên và người đi làm mong muốn sử dụng tiếng Anh giao tiếp một cách chuyên các chủ điểm công việc cũng như nghị luận các vấn đề xã hội nghiệp sau 2 tháng.

Đặc biệt, chỉ riêng những bạn nhận được EBOOK này, muốn được xây dựng lộ trình học riêng biệt thì đăng kí ngay vào đường link tại đây để nhận học bổng lên tới 1 triệu đồng của cô nhé!

NHẬN HỌC BỔNG